ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

P

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương
A	*B*	*C*	*D*
		TỔNG CỘNG	
1	1014283	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	422
2	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422
3	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh	422
4	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quí Đôn	422
5	1014282	Trường THPT Vũng Tàu	422
6	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422
7	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	422
8	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422
9	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Ria - Vũng Tàu	422
10	1015810	Trường THPT Châu Thành	422

11	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422
12	1017526	Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	422
13	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422
14	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải- Bà Rịa - Vũng Tàu	422
15	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422
16	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422
17	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422
18	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422
19	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422
20	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422
21	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422
22	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422
23	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422
24	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422
25	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422
26	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422
27	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422
28	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422
29	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422
30	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422
31	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422

32	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422
33	1021428	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422
34	1007326	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422
35	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422
36	1002758	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Châu Đức	422
37	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422

'HÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 S
(KHU VỰC 3)

Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN
E	*F*	*1*	*2=3+6*	*3=4+5*
		(19.238.091)	**(19.238.091)**	**(18.432.324)**
070	072	**(440.753)**	**(440.753)**	**(440.753)**
070	072	**(134.199)**	**(134.199)**	**(134.199)**
070	074	**(572.467)**	**(572.467)**	**(572.467)**
070	074	**(468.636)**	**(468.636)**	**(468.636)**
070	074	**(1.341.071)**	**(1.341.071)**	**(678.974)**
070	074	**(1.243.563)**	**(1.243.563)**	**(1.242.933)**
070	074	**(1.404.167)**	**(1.404.167)**	**(1.404.167)**
070	074	**(1.256.404)**	**(1.256.404)**	**(1.255.324)**
070	074	**(216.108)**	**(216.108)**	**(216.108)**
070	074	**(804.933)**	**(804.933)**	**(804.933)**

070	074	**(303.421)**	**(303.421)**	**(299.821)**
070	074	**(1.139.557)**	**(1.139.557)**	**(1.139.557)**
070	074	**(457)**	**(457)**	**(457)**
070	074	**(209.461)**	**(209.461)**	**(203.461)**
070	074	**(725.102)**	**(725.102)**	**(724.382)**
070	074	**(550.353)**	**(550.353)**	**(550.353)**
070	074	**(297.126)**	**(297.126)**	**(295.686)**
070	074	**(86.629)**	**(86.629)**	**(86.629)**
070	074	**(644.809)**	**(644.809)**	**(641.209)**
070	074	**(665.894)**	**(665.894)**	**(665.894)**
070	074	**(436.646)**	**(436.646)**	**(431.966)**
070	074	**(782.308)**	**(782.308)**	**(782.308)**
070	074	**(308.614)**	**(308.614)**	**(308.614)**
070	074	**(193.418)**	**(193.418)**	**(193.418)**
070	074	**(1.129.260)**	**(1.129.260)**	**(1.129.260)**
070	074	**(591.640)**	**(591.640)**	**(591.640)**
070	074	**(92.327)**	**(92.327)**	**(92.327)**
070	074	**(767.564)**	**(767.564)**	**(767.204)**
70	074	**(115.800)**	**(115.800)**	**-**
070	074	**(193.969)**	**(193.969)**	**(193.969)**
070	074	**(46.013)**	**(46.013)**	**(46.013)**

070	075	**(539.446)**	**(539.446)**	**(539.446)**
070	075	**(219.656)**	**(219.656)**	**(219.656)**
070	075	**(264.542)**	**(264.542)**	**(260.222)**
070	075	**(379.285)**	**(379.285)**	**(377.845)**
070	075	**(352.442)**	**(352.442)**	**(352.442)**
070	075	**(320.051)**	**(320.051)**	**(320.051)**

AU SẮP XẾP

KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
4	*5*	*7*	*6=7+...+18*
(18.432.324)	**-**	**-**	**(805.767)**
(440.753)			**-**
(134.199)			**-**
(572.467)			**-**
(468.636)			**-**
(678.974)			**(662.097)**
(1.242.933)			**(630)**
(1.404.167)			**-**
(1.255.324)			**(1.080)**
(216.108)			**-**
(804.933)			**-**

(299.821)			**(3.600)**
(1.139.557)			**-**
(457)			**-**
(203.461)			**(6.000)**
(724.382)			**(720)**
(550.353)			**-**
(295.686)			**(1.440)**
(86.629)			**-**
(641.209)			**(3.600)**
(665.894)			**-**
(431.966)			**(4.680)**
(782.308)			**-**
(308.614)			**-**
(193.418)			**-**
(1.129.260)			**-**
(591.640)			**-**
(92.327)			**-**
(767.204)			**(360)**
			(115.800)
(193.969)			**-**
(46.013)			**-**

(539.446)			**-**
(219.656)			**-**
(260.222)			**(4.320)**
(377.845)			**(1.440)**
(352.442)			**-**
(320.051)			**-**

Đơn vị: 1.000 đồng

Hỗ trợ học phí		
7	*24*	
(805.767)	**-**	
-		
-		
-		
(662.097)		(662,10)
(630)		
(1.080)		

(3.600)	
(6.000)	
(720)	
(1.440)	
(3.600)	
(4.680)	
(360)	
(115.800)	

(4.320)	
(1.440)	

BẢNG TỔNG HỢP GIẢM TRỪ DỰ TOÁN QUA CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN

(Đính kèm Thông báo số /STC-TB ngày tháng năm 2025 của Sở Tài

STT	Tên đơn vị	Mã chương	Đơn vị quan hệ NS	Mã Ngành KT (loại)	Mã nội dung kinh tế (Khoản)	Mã số Kho bạc Nhà nước	Mã nguồn
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	422	1014325	340	341	1711	13
2	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm thị Hữu Nghị	422	1014283	070	072	1711	13
3	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật	422	1014287	070	072	1711	13
4	Trường Phổ thông dân tộc nội trú	422	1080598	070	074	1711	13
5	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	1015959	070	074	1711	13
6	THPT Vũng Tàu	422	1014282	070	074	1711	13
7	THPT Đinh Tiên Hoàng	422	1015809	070	074	1711	13
8	THPT Trần Nguyên Hãn	422	1015958	070	074	1711	13
9	THPT Nguyễn Huệ	422	1064445	070	074	1711	13
10	THPT Nguyễn Khuyến	422	1130341	070	074	1711	13
11	THPT Châu Thành	422	1015810	070	074	1711	13
12	THPT Bà Rịa	422	1087509	070	074	1711	13
13	THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	422	1017526	070	074	1711	13

14	THPT Trần Văn Quan	422	1015802	070	074	1712	13
15	THPT Trần Quang Khải	422	1087510	070	074	1712	13
16	THPT Minh Đạm	422	1115077	070	074	1712	13
17	THPT Long Hải-PT	422	1087508	070	074	1712	13
18	THPT Võ Thị Sáu	422	1015803	070	074	1712	13
19	THPT Dương Bạch Mai	422	1087511	070	074	1712	13
20	THPT Ngô Quyền	422	1015808	070	074	1711	13
21	THPT Nguyễn Du	422	1080497	070	074	1711	13
22	THPT Nguyễn Trãi	422	1080597	070	074	1711	13
23	THPT Nguyễn Văn Cừ	422	1044107	070	074	1711	13
24	THPT Trần Phú	422	1004460	070	074	1711	13
25	THPT Phú Mỹ	422	1015807	070	074	1711	13
26	THPT Trần Hưng Đạo	422	1080602	070	074	1711	13
27	THPT Hắc Dịch	422	1015806	070	074	1711	13
28	THPT Bưng Riềng	422	1104499	070	074	1712	13
29	THPT Xuyên Mộc	422	1015804	070	074	1712	13
30	THPT Hòa Hội	422	1004457	070	074	1712	13

31	THPT Phước Bửu	422	1017519	070	074	1712	13
32	Trung tâm GDTX - HN Vũng Tàu	422	1014326	070	075	1711	13
33	Trung tâm GDTX tỉnh BR-VT	422	1021428	070	075	1711	13
34	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	1007326	070	075	1711	13
35	Trung tâm GDTX Long Điền-Đất Đỏ	422	1007327	070	075	1712	13
36	Trung tâm GDTX -DN -GTVL Châu Đức	422	1002758	070	075	1711	13
37	Trung tâm GDTX -DN-GTVL Xuyên Mộc	422	1052914	070	075	1712	13
	Tổng cộng						

N NĂM 2024

chính)

ĐVT: đồng

Số tiền	
469.073.000	
440.753.860	
134.199.556	
572.467.531	
468.636.768	
678.974.646	
1.242.933.606	
1.404.167.229	
1.255.324.402	
216.108.504	
804.933.619	
299.821.075	
1.139.557.927	

457.196	
203.461.617	
724.382.911	
550.353.231	
295.686.558	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
86.629.701	
193.418.107	
665.894.594	
431.966.027	
782.308.626	
308.614.571	
641.209.165	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
1.129.260.565	
591.640.936	
92.327.355	
767.204.153	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
193.969.460	

46.013.009	
539.446.176	
219.656.372	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
260.222.016	
377.845.033	
352.442.862	
320.051.585	
18.901.413.549	

BẢNG TỔNG HỢP GIẢM TRỪ DỰ TOÁN QUA CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN NĂM 2024
(NGUỒN KHÔNG THƯỜNG XUYÊN)

(Đính kèm Thông báo số /STC-TB ngày tháng năm 2025 của Sở Tài chính)

STT	Tên đơn vị	Mã chương	Đơn vị quan hệ NS	Mã Ngành KT (loại)	Mã nội dung kinh tế (Khoản)	Mã số Kho bạc Nhà nước	Mã nguồn
1	THPT Vũng Tàu	422	1014282	070	074	1711	12
2	THPT Đinh Tiên Hoàng	422	1015809	070	074	1711	12
3	THPT Nguyễn Huệ	422	1064445	070	074	1711	12
4	THPT Bà Rịa	422	1087509	070	074	1711	12
5	THPT Trần Quang Khải	422	1087510	070	074	1712	12
6	THPT Minh Đạm	422	1115077	070	074	1712	12
7	THPT Võ Thị Sáu	422	1015803	070	074	1712	12
8	THPT Nguyễn Trãi	422	1080597	070	074	1711	12
9	**THPT Phú Mỹ**	**422**	**1015807**	**070**	**074**	**1711**	**12**
10	THPT Xuyên Mộc	422	1015804	070	074	1712	12
11	THPT Hòa Bình	422	1015956	070	074	1712	12
12	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	1007326	070	075	1711	12

13	Trung tâm GDTX Long Điền-Đất Đỏ	422	1007327	070	075	1712	12
	Tổng cộng						

ĐVT: đồng

Số tiền	
662.097.670	
630.000	
1.080.000	
3.600.000	
6.000.000	
720.000	
1.440.000	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
4.680.000	
3.600.000	Đã tính giảm trừ khi hủy dự toán củA BRVT
360.000	
115.800.000	
4.320.000	

1.440.000	
805.767.670	